

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC
HOLDINGS**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95 /CBTT/VKC-26

Tp.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCPthực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Bán niên 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

- Mã chứng khoán: VKC

Địa chỉ: Số 854 Quốc lộ 1K, KP Châu Thới, P.Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại liên hệ/Tel: (84-2743 751 501) Fax: (84-2743 751 699)

- Email:..... Website:.....

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Bán niên 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn: <https://vkcholdings.vn/quan-he-co-dong.htm>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC.....

- Văn bản giải trình

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
VKC
HOLDING
S**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN VKC HOLDINGS
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN VKC HOLDINGS, L=
Thành phố Dĩ An, O=CÔNG
TY CỔ PHẦN VKC
HOLDINGS, ST=Bình Dương,
UID=MST:3700510650
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2026.08.28
13:11:27
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2025.3.0

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Hoàng Phong





BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – RIÊNG

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính (riêng) giữa niên độ	06 - 08
3. Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	09 - 10
4. Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	13 – 37
7. Phụ lục số 01: Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu đúng mục đích theo Nghị quyết HĐQT và đúng mục đích theo bản công bố thông tin	38
8. Phụ lục số 02: Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo Nghị quyết HĐQT và không đúng mục đích theo bản công bố thông tin	39 – 41
9. Phụ lục số 03: Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo Nghị quyết HĐQT và không đúng mục đích theo bản công bố thông tin	42 – 44
10. Phụ lục 04: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	45

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty CP VKC Holdings đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã được soát xét.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty CP VKC Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: VKC Holdings; tên viết tắt là: VKC HOLDINGS) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/06/2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 27 ngày 12/07/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật thành ông Phạm Hoàng Phong.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán là VKC.

Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (274) 3751 501

Fax : +84 (274) 3751 699

Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

▪ Chi nhánh, văn phòng đại diện

STT	Tên chi nhánh, văn phòng đại diện	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, phường Cái Vồn, Tỉnh Vĩnh Long
2.	Chi nhánh Quận 8	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường Bình Phú, TP.HCM
3.	Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng
4.	Chi nhánh Phú Yên	Số 81 Nguyễn Tất Thành, Phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk

▪ Thông tin về Công ty con

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Sản xuất Cáp nhựa Vĩnh Khánh (VKM)	Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh	97,0%	97,0%	97,0%	97,0%	97,0%	97,0%
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Vĩnh Khánh (VKB)	Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đầu giá;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại).

4. Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch	29/06/2026	
Ông Thân Xuân Nghĩa	Chủ tịch	25/08/2023	29/06/2026
	Phó Chủ tịch	29/06/2026	
Ông Tạ Ngọc Bích	Thành viên	26/07/2024	29/06/2026
Bà Phạm Thị Lan	Thành viên	29/06/2026	
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên	29/06/2026	
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	29/06/2026	
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên		29/06/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

4.2 Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch	24/04/2025	
Bà Phạm Thị Lan	Thành viên	24/04/2025	29/06/2026
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên	24/04/2025	29/06/2026
Ông Thân Xuân Nghĩa	Thành viên	29/06/2026	
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên	29/06/2026	

4.3 Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Hoàng Phong	Tổng Giám đốc	24/06/2024	
Ông Võ Văn Việt	Kế toán trưởng	02/12/2024	27/05/2026

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Hoàng Phong	Tổng Giám đốc	24/06/2024	

6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ từ trang 09 đến trang 45.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Ngày 30/06/2026, Công ty và Công ty CP Thiên Hoàng Holdings (gọi tắt là “Thiên Hoàng Holdings”) đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng các khoản phải thu, quyền đòi nợ số 74/2026/HĐCN/VKC-TH, theo đó Công ty sẽ chuyển nhượng nợ gốc (tính đến ngày 31/12/2025) của các khoản phải thu và quyền đòi nợ của Công ty cho Thiên Hoàng Holdings, tổng giá trị chuyển nhượng bằng với giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải thu được chuyển nhượng tại ngày 31/12/2025 là 203.167.153.774 đồng. Tại thời điểm 30/06/2026, Công ty và Thiên Hoàng Holdings chưa chính thức hoàn tất thủ tục bàn giao các khoản nợ phải thu và quyền đòi nợ.

- Ngày 08/07/2026, Công ty và Thiên Hoàng Holdings đã ký kết hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ trả nợ và thực hiện thanh toán các khoản nợ số 78/2026/HĐCGNV/VKC-TH, theo đó Công ty sẽ chuyển giao các khoản nợ phải trả đối với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức và cá nhân của Công ty cho Thiên Hoàng Holdings, tổng giá trị chuyển giao bằng với giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả được chuyển nhượng tại ngày 30/06/2026 là 237.202.287.962 đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

9 Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này, Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Tôi, Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026



PHẠM HOÀNG PHONG

Tổng Giám đốc

Số: 280801/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VKC Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026 (từ trang 09 đến trang 45), bao gồm Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Cơ sở của từ chối đưa ra kết luận

- Theo thuyết minh tại mục V.2, V.3, V.4, V.5 và V.10, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu tại thời điểm 30/06/2026 và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có). Ngoài ra, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các thư xác nhận công nợ bằng hình thức phúc đáp trực tiếp đến chúng tôi. Với các tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu trên và cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của các số dư nêu trên bằng các thủ tục kiểm toán khác. Chi tiết như sau:

STT	Khoản mục	Thuyết minh	Giá trị chưa có xác nhận (VND)	Giá trị chưa đánh giá khả năng thu hồi (VND)
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	V.2	3.323.783.013	3.323.783.013
2	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	21.042.011.648	6.512.708.725
3	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	6.850.043.007	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	165.439.638.417	165.439.638.417
5	Phải thu dài hạn khác	V.5b	5.924.680.000	5.924.680.000
6	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.10	36.000.000.000	-

- Theo thuyết minh tại mục V.11 và V.12, V.16, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các thư xác nhận công nợ bằng hình thức phúc đáp trực tiếp đến chúng tôi về khoản phải trả người bán ngắn hạn, người mua trả tiền trước ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại ngày 30/06/2026 với số tiền lần lượt là 6.355.515.174 đồng, 722.715.890 đồng và 349.337.322.474 đồng. Chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của các số dư nêu trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.
- Theo thuyết minh tại mục V.16 – Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn, mô tả dòng tiền chi ra từ đợt phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo Nghị quyết Hội Đồng quản trị số 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021 và không đúng theo Bản công bố thông tin ngày 02/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85%)) với số tiền là 80.800.000.000 đồng; Các khoản chi không đúng mục đích theo Nghị quyết Hội Đồng quản trị số 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021 và không đúng mục đích theo Bản công bố thông tin ngày 02/12/2021 với số tiền là 34.937.668.136 đồng. Ngoài ra, trong số tiền chi ra từ đợt thu của phát hành trái phiếu, Công ty có thực hiện hiện đặt cọc 98.750.000.000 đồng để mua cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam, tuy nhiên theo thuyết minh V.5a – Phải thu ngắn hạn khác, mô tả đến nay đã hết hạn thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu nhưng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam từ các bên nhận tiền đặt cọc.

Đồng thời đoạn mô tả Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang sử dụng tài sản là Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số BR626016 tọa lạc tại Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Nay là: Thị trấn Núi Sập, xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang) để đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2022 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang), tài sản này chưa được thực hiện ký 3 bên giữa Công ty với Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang và tổ chức với tư cách là bên nhận tài sản đảm bảo.

Ngoài ra, Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay, các khoản lãi quá hạn và phạt phát sinh từ việc chậm thanh toán lãi trái phiếu quá hạn. Số tiền lãi và phạt do chậm thanh toán lãi ước tính là 191.188.003.028 đồng.

- Theo Thuyết minh tại mục VIII.6 - Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, trên Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Công ty có khoản lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối là (535.262.157.341) đồng; khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là (370.518.117.740) đồng; các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay, trái phiếu và lãi tiền vay, trái phiếu đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền là 543.590.414.295 đồng và vốn chủ sở hữu âm (314.131.974.495) đồng. Ngày 18/05/2026 Công ty nhận được Quyết định số 35590/QĐ-HCM-KDT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn kể từ ngày 18/05/2026 đến ngày 18/05/2027. Ngoài ra, ngày 29/06/2026 Công ty nhận được Quyết định số 5718/QĐ-THADS của Cục quản lý thi hành án dân sự - Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh về việc phong tỏa tài khoản, tài sản với số tiền 155.825.284 đồng trong tài khoản số 0037100010898988 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Từ các hạn chế nêu trên, chúng tôi không có đủ cơ sở xác định ảnh hưởng của các vấn đề này đến tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ (nếu có) cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét thông tin tài chính (riêng) giữa niên độ rằng, phạm vi của báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần VKC Holdings tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần VKC Holdings với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

1201
CÔNG
NHẬN
TOÁN V
UẬN
TP. H

1650
TY
IÂN
DINH
BÌNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176.568.406.161	177.825.822.434
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		279.238.446	601.345.747
1.	Tiền	111	V.1	279.238.446	601.345.747
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.323.783.013	4.018.477.808
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	3.323.783.013	4.018.477.808
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172.094.732.951	172.467.035.845
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	21.042.011.648	21.536.303.438
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.850.043.007	6.812.179.025
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	165.439.638.417	165.385.513.503
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(21.236.960.121)	(21.266.960.121)
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
V.	Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
IV.	Tài sản ngắn hạn khác	160		870.651.751	738.963.034
1.	Thuế GTGT được khấu trừ	162		714.826.467	738.963.034
2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	165	V.7	155.825.284	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.386.143.245	58.609.498.322
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		5.924.680.000	5.924.680.000
1.	Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	5.924.680.000	5.924.680.000
II.	Tài sản cố định	220		30.332.192.569	32.086.254.529
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	29.057.757.783	30.729.643.479
-	- Nguyên giá	222		84.342.655.320	84.342.655.320
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.284.897.537)	(53.613.011.841)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.274.434.786	1.356.611.050
-	- Nguyên giá	228		5.224.155.677	5.224.155.677
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.949.720.891)	(3.867.544.627)
III.	Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
V.	Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
VI.	Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.10	20.122.626.069	20.533.174.140
1.	Đầu tư vào công ty con	261		22.900.000.000	22.900.000.000
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		36.000.000.000	36.000.000.000
3.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(38.777.373.931)	(38.366.825.860)
VI.	Tài sản dài hạn khác	270		6.644.607	65.389.653
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		6.644.607	65.389.653
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		232.954.549.406	236.435.320.756

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ		300		547.086.523.901	526.632.058.999
I. Nợ ngắn hạn		310		547.086.523.901	526.632.058.999
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.11	6.355.515.174	7.261.793.917
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.12	722.715.890	106.039.720
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận		313		1.319.115.400	1.319.115.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn		314	V.13	981.203.870	961.245.219
5. Phải trả người lao động		315		-	156.091.699
6. Chi phí phải trả ngắn hạn		316	V.14	175.986.019.435	154.955.818.912
7. Phải trả ngắn hạn khác		320	V.15	405.582.523	405.582.523
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		321	V.16	361.316.253.248	361.466.253.248
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		118.361	118.361
II. Nợ dài hạn		330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	V.17	(314.131.974.495)	(290.196.738.243)
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn		412		11.384.120.000	11.384.120.000
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)		415		(3.811.929.315)	(3.811.929.315)
4. Quỹ đầu tư phát triển		418		13.557.992.161	13.557.992.161
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		(535.262.157.341)	(511.326.921.089)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		420a		(511.326.921.089)	(462.789.422.270)
- LNST chưa phân phối kỳ này		420b		(23.935.236.252)	(48.537.498.819)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		440		232.954.549.406	236.435.320.756

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Phụ trách kế toán

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

VÕ VĂN VIỆT

VÕ VĂN VIỆT

PHẠM HOÀNG PHONG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	553.313.738	3.936.347.265
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		553.313.738	3.936.347.265
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.215.333.418	5.932.931.323
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(662.019.680)	(1.996.584.058)
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	33.834.351	25.474.858
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	21.440.748.594	22.898.111.888
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		21.030.200.523	21.135.230.406
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	260.740.788	689.152.123
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.605.561.541	1.821.732.041
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		(23.935.236.252)	(27.380.105.252)
12. Thu nhập khác	31		3.000.000	8.622.269.008
13. Chi phí khác	32		3.000.000	4.854.155.940
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	3.768.113.068
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(23.935.236.252)	(23.611.992.184)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hiện hành	51	V.13	-	19.909.091
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(23.935.236.252)	(23.631.901.275)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập



VÕ VĂN VIỆT

Phụ trách kế toán



VÕ VĂN VIỆT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Tổng Giám đốc

PHẠM HOÀNG PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(23.935.236.252)	(23.611.992.184)
2. Điều chỉnh cho các khoản			23.139.505.349	22.602.823.648
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	V.8; V.9	1.754.061.960	1.939.390.927
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.10	380.548.071	1.117.728.762
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3	(25.305.205)	4.281.902.651
- Chi phí đi vay	06	VI.5	21.030.200.523	21.135.230.406
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(5.871.429.098)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(795.730.903)	(1.009.168.536)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	VII	270.614.177	8.634.106.155
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	2.937.768.826
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(425.735.621)	(748.979.006)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		58.745.046	18.445.669
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(19.909.091)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(892.107.301)	9.812.264.017
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		720.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		720.000.000	(10.000.000.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(150.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(150.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(322.107.301)	(187.735.983)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	601.345.747	636.678.057
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.I; VII	279.238.446	448.942.074

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Phụ trách kế toán

Người đại diện theo pháp luật


VÕ VĂN VIỆT

VÕ VĂN VIỆT


Tổng Giám đốc


PHẠM HOÀNG PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty Cổ phần VKC Holdings (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Hiện Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc, các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu đã chuyển sang các công ty con. Do đó, Công ty hiện không còn trực tiếp thực hiện phần lớn hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận phát sinh chủ yếu tại các công ty con, trong khi Công ty chủ yếu thực hiện chức năng quản lý, điều hành, đầu tư và kiểm soát các đơn vị thành viên.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Sản xuất Cáp nhựa Vĩnh Khánh (VKM)	Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp.HCM	97,00%	97,00%	97,00%	97,00%	97,00%	97,00%
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Vĩnh Khánh (VKB)	Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Tp.HCM	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ghi chú
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, phường Cái Vồn, Tỉnh Vĩnh Long	Tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn
2. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường Bình Phú, TP.HCM	Tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn
3. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng	Ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế
4. Chi nhánh Phú Yên	Số 81 Nguyễn Tất Thành, Phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 06 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 05 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh (thuyết minh mục IV.20) do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc của Công ty cam kết Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành tại Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được phản ánh theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian cho vay và lãi suất thực tế.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có bằng chứng khách quan cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất tương ứng với phần giá trị tổn thất dự kiến. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính/doanh thu tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con được trích lập khi Công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại Công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty con. Nếu Công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Cơ sở tính và trích lương

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa (vô xe, ống nhựa), bán thành phẩm (cáp viễn thông)

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác và nợ phải trả: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 17%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

20. Số liệu so sánh

Một vài số dư trên Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành (thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, năm trước theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính). Chi tiết như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Cuối năm trước theo Thông tư 200/2014/TT-BTC/Trước điều chỉnh	Đầu năm nay được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC/Sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ				
Tài sản				
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.590.000.000	-	(2.590.000.000)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	510.000.000	4.018.477.808	3.508.477.808
135	Phải thu ngắn hạn khác	166.303.991.311	165.385.513.503	(918.477.808)
	Cộng Tài sản	169.403.991.311	169.403.991.311	-
Nợ phải trả				
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	1.319.115.400	1.319.115.400
320	Phải trả ngắn hạn khác	1.724.697.923	405.582.523	(1.319.115.400)
	Cộng Nợ phải trả	1.724.697.923	1.724.697.923	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ không bị hạn chế sử dụng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	8.258.458	2.533.458
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	270.979.988	598.812.289
Cộng	279.238.446	601.345.747

(*) Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	91.008.559	91.008.559
Các ngân hàng khác	179.971.429	507.803.730
Cộng	270.979.988	598.812.289

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho vay các bên liên quan	733.783.013	918.477.808
Công ty CP Đầu tư kinh doanh Vĩnh Khánh ⁽¹⁾	733.783.013	918.477.808
- Gốc cho vay	650.000.000	860.000.000
- Lãi cho vay	83.783.013	58.477.808
Phải thu về cho vay các bên khác	2.590.000.000	3.100.000.000
Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên ⁽²⁾	2.500.000.000	2.500.000.000
- Gốc cho vay	2.500.000.000	2.500.000.000
- Lãi cho vay	-	-
Công ty TNHH DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp ⁽³⁾	90.000.000	90.000.000
- Gốc cho vay	90.000.000	90.000.000
- Lãi cho vay	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn		510.000.000
Cộng^(*)	3.323.783.013	4.018.477.808

Là các khoản cho vay đã quá thời hạn thu hồi, bao gồm:

⁽¹⁾ Là khoản cho vay tín chấp ngắn hạn theo Hợp đồng vay tiền số 01/HĐTD/VKC-VKB ngày 25/02/2025. Số tiền vay: 1.360.000.000 đồng. Thời gian vay: từ ngày 25/2/2025 đến hết ngày 31/12/2025. Lãi suất vay: 6%/năm;

⁽²⁾ Là khoản cho vay tín chấp dài hạn đến hạn thu hồi theo Hợp đồng tín dụng số 1810/VK-TK/2020 ngày 18/10/2020. Số tiền vay: 2.500.000.000 đồng. Kỳ hạn: 24 tháng. Lãi suất: 6%/năm.

⁽³⁾ Là khoản cho vay tín chấp ngắn hạn theo Hợp đồng vay tiền ngày 17/01/2023. Số tiền cho vay: 90.000.000 đồng. Thời hạn vay: từ ngày 17/02/2023 đến ngày 17/06/2023. Lãi suất: 7%/năm.

^(*) Trong đó, nợ gốc và lãi cho vay (tính đến ngày 31/12/2025) sẽ được Công ty chuyển nhượng cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 3.508.477.808 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	970.000.000	-	1.200.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Vĩnh Khánh	970.000.000	-	1.200.000.000	-
Phải thu các khách hàng khác	20.072.011.648	(14.427.034.985)	20.336.303.438	(14.457.034.985)
Denali Supply Chain Co.,Ltd	7.717.856.720	(7.717.856.720)	7.717.856.720	(7.717.856.720)
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh	4.257.706.172	-	4.257.706.172	-
Công ty Cổ phần Sametel	3.236.105.523	(3.236.105.523)	3.236.105.523	(3.236.105.523)
Các khách hàng khác	4.860.343.233	(3.473.072.742)	5.124.635.023	(3.503.072.742)
Cộng^(*)	21.042.011.648	(14.427.034.985)	21.536.303.438	(14.457.034.985)

^(*) Trong đó, nợ gốc phải thu ngắn hạn của khách hàng (tính đến ngày 31/12/2025) sẽ được Công ty chuyển nhượng cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 21.536.303.438 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	6.850.043.007	(6.809.925.136)	6.812.179.025	(6.809.925.136)
Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên	4.169.533.115	(4.169.533.115)	4.169.533.115	(4.169.533.115)
Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng	1.257.504.951	(1.257.504.951)	1.257.504.951	(1.257.504.951)
Trả trước cho các người bán khác	1.423.004.941	(1.382.887.070)	1.385.140.959	(1.382.887.070)
Cộng(*)	6.850.043.007	(6.809.925.136)	6.812.179.025	(6.809.925.136)

(*) Trong đó, nợ gốc trả trước cho người bán ngắn hạn (tính đến ngày 31/12/2025) sẽ được Công ty chuyển nhượng cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 6.812.179.025 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các bên khác</i>	165.439.638.417	-	165.385.513.503	-
Tạm ứng cho nhân viên	34.093.258	-	34.093.258	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.359.797	-	4.359.797	-
Chi tiền góp vốn (*)	66.200.000.000	-	66.200.000.000	-
Đặt cọc mua cổ phần (*)	98.750.000.000	-	98.750.000.000	-
Phải thu khác	451.185.362	-	397.060.448	-
Cộng(**)	165.439.638.417	-	165.385.513.503	-

(*) Là khoản tiền Công ty chi góp vốn vào Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (số tiền 66.200.000.000 đồng); và chi tiền đặt cọc cho Công ty CP Louis Land (số tiền 84.150.000.000 đồng) và đặt cọc cho bà Trần Thị Thu Phương (số tiền 14.600.000.000 đồng) để thực hiện mua cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (đã được thông qua tại Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số: 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021). Đến nay, đã hết hạn thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu (xem tại Thuyết minh V.16) nhưng các bên chưa hoàn tất các thủ tục để Công ty sở hữu cổ phần tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam. Tổng số tiền Công ty đã chi góp vốn và đặt cọc cho các bên là 164.950.000.000 đồng.

(**) Trong đó, nợ gốc phải thu ngắn hạn khác (tính đến ngày 31/12/2025) sẽ được Công ty chuyển nhượng cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 165.385.513.503 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.924.680.000	-	5.924.680.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn ^(*)	5.684.110.000	-	5.684.110.000	-
Khác	240.570.000	-	240.570.000	-
Cộng^(**)	5.924.680.000	-	5.924.680.000	-

^(*) Là khoản tiền đặt cọc cho ông Trần Văn Tôn để nhận chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của sổ đất CU 035996 tại thửa đất số 218, thuộc tờ bản đồ số 17 tại ấp 6, xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (nay là xã Mỹ Lệ, tỉnh Tây Ninh) theo hợp đồng mua bán đất quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/12/2019.

^(**) Trong đó, nợ gốc phải thu dài hạn khác (tính đến ngày 31/12/2025) sẽ được Công ty chuyển nhượng cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 5.924.680.000 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(21.266.960.121)	(63.523.590.002)
Xóa nợ	-	41.574.874.078
Hoàn nhập dự phòng	30.000.000	645.152.720
Số cuối kỳ	(21.236.960.121)	(21.303.563.204)

7. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tiền gửi ngân hàng bị hạn chế sử dụng cuối kỳ là 155.825.284 đồng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (Chi nhánh Tân Bình) bị phong tỏa theo Quyết định số 5718/QĐ-THADS ngày 29/06/2026 của Cục quản lý thi hành án dân sự - Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh. Do hạn chế về khả năng sử dụng, khoản tiền này không đủ điều kiện phân loại là Tiền và tương đương tiền nên đã được tái phân loại sang chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn khác (mã số 165) trên Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	61.673.968.478	1.018.035.170	738.310.000	20.912.341.672	84.342.655.320
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	61.673.968.478	1.018.035.170	738.310.000	20.912.341.672	84.342.655.320
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	31.457.629.867	827.469.337	738.310.000	20.589.602.637	53.613.011.841
- Khấu hao trong kỳ	1.618.095.852	-	-	53.789.844	1.671.885.696
- Phân loại lại	(190.565.833)	190.565.833	-	-	-
Số cuối kỳ	32.885.159.886	1.018.035.170	738.310.000	20.643.392.481	55.284.897.537
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	30.216.338.611	190.565.833	-	322.739.035	30.729.643.479
Số cuối kỳ	28.788.808.592	-	-	268.949.191	29.057.757.783

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 25.621.156.910 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 0 đồng (không có tài sản cố định dùng để thế chấp).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.648.977.077	1.575.178.600	5.224.155.677
- Tăng trong kỳ	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	3.648.977.077	1.575.178.600	5.224.155.677
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.830.070.440	1.037.474.187	3.867.544.627
- Khấu hao trong kỳ	21.304.062	60.872.202	82.176.264
Số cuối kỳ	2.851.374.502	1.098.346.389	3.949.720.891
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	818.906.637	537.704.413	1.356.611.050
Số cuối kỳ	797.602.575	476.832.211	1.274.434.786

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 2.378.401.199 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 797.602.575 đồng (xem tại Thuyết minh V.16).

(*) Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cuối kỳ bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 387309, thửa số 4701, tờ bản đồ số 5 (2AB.9). Thời hạn sử dụng đến 31/12/2030.

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 179285, 1 phần thửa số 9183, tờ bản đồ số 4 (2BA.8). Thời hạn sử dụng đến 08/10/2053.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 527855, thửa số 02. Thời hạn sử dụng đất đến 05/12/2045.

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	22.900.000.000	20.122.626.069	(2.777.373.931)	22.900.000.000	22.900.000.000	(2.366.825.860)
Công ty CP Sản xuất						
Cáp nhựa Vĩnh Khánh (VKM) ⁽¹⁾	19.400.000.000	18.223.255.716	(1.176.744.284)	19.400.000.000	19.400.000.000	(1.156.319.396)
Công ty CP Đầu tư						
Kinh doanh Vĩnh Khánh (VKB) ⁽²⁾	3.500.000.000	1.899.370.353	(1.600.629.647)	3.500.000.000	3.500.000.000	(1.210.506.464)
Đầu tư vào đơn vị khác	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)
Công ty TNHH SX TM						
Khang Gia Hưng ⁽³⁾	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)
Cộng	58.900.000.000	20.122.626.069	(38.777.373.931)	58.900.000.000	22.900.000.000	(38.366.825.860)

(*) Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

(1) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 19.400.000.000 đồng, tương đương 97,0% vốn chủ sở hữu của VKM (số đầu năm là 19.400.000.000 đồng, tương đương 97,0% vốn điều lệ).

(2) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 3.500.000.000 đồng, tương đương 92,11% vốn chủ sở hữu của VKB (số đầu năm là 3.500.000.000 đồng, tương đương 92,11% vốn điều lệ).

(3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Gia Hưng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/03/2017, vốn điều lệ 200.000.000.000 đồng, lĩnh vực hoạt động là sản xuất kinh doanh và thương mại các sản phẩm nhựa, cáp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Gia Hưng là 18,00% vốn chủ sở hữu (số đầu năm là 18,00% vốn chủ sở hữu).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả các người bán khác	6.355.515.174	7.261.793.917
Speed Arrive Trading Co, LTD	1.781.076.228	1.781.076.228
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (LADOPHAR)	584.101.610	584.101.610
Các người bán khác	3.990.337.336	4.896.616.079
Cộng(*)	6.355.515.174	7.261.793.917

Nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30/6/2026 là 6.288.141.612 đồng.

(*) Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn (tính đến ngày 30/06/2026) sẽ được Công ty chuyển giao nghĩa vụ trả nợ và thực hiện thanh toán các khoản nợ cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 1.134.101.610 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	600.000.000	-
Công ty CP Sản xuất Cáp nhựa Vĩnh Khánh	600.000.000	-
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	122.715.890	106.039.720
Các người mua trả tiền trước khác	122.715.890	106.039.720
Cộng	722.715.890	106.039.720

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	896.307.454	-	-	-	896.307.454	-
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Thuế TNCN	64.937.765	-	24.660.214	(4.701.563)	84.896.416	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	961.245.219	-	24.660.214	(4.701.563)	981.203.870	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.935.236.252)	(23.611.992.184)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	20.996.366.172	1.281.221.537
+ Chi phí lãi vay không được trừ	20.996.366.172	-
+ Chi phí không hợp lý khác	-	1.281.221.537
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(2.938.870.080)	(22.330.770.647)
Chuyển lỗ các kỳ trước sang	-	-
Thu nhập tính thuế ("TNTT")	(2.938.870.080)	-
Thuế suất phổ thông	17%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo TNTT trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp chuyển nhượng BĐS ngoại tỉnh	-	19.909.091
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp	-	19.909.091

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	175.986.019.435	154.955.818.912
Cộng (*)	175.986.019.435	154.955.818.912

Lãi vay, lãi trái phiếu quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2026 là 175.986.019.435 đồng.

(*) Trong đó, lãi vay ngân hàng (tính đến ngày 30/06/2026) sẽ được Công ty chuyển giao nghĩa vụ trả nợ và thực hiện thanh toán các khoản nợ cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 74.601.933.104 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

15. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các bên khác	405.582.523	405.582.523
Nhận ký quỹ	198.300.000	198.300.000
Phải trả khác	207.282.523	207.282.523
Cộng	405.582.523	405.582.523

Nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2026 là 207.282.523 đồng.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tình hình biến động về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn và dài hạn các tổ chức đến hạn trả	161.466.253.248	-	(150.000.000)	160.442.128.248
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	200.000.000.000	-	-	200.874.125.000
Cộng	361.466.253.248	-	(150.000.000)	361.316.253.248

Chi tiết vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức, cá nhân khác	160.442.128.248	160.592.128.248
Công ty CP XNK Louis Rice ⁽¹⁾	6.568.569.865	6.568.569.865
Công ty CP XNK Cà phê II ⁽¹⁾	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH DV Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp ⁽¹⁾	4.158.794.521	4.158.794.521
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Tp. HCM ⁽²⁾	69.166.685.726	69.166.685.726
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽³⁾	66.069.147.362	66.069.147.362
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch ⁽⁴⁾	11.978.930.774	12.128.930.774
Vay dài hạn đến hạn trả	200.874.125.000	200.874.125.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tp. HCM ⁽⁵⁾	874.125.000	874.125.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả ⁽⁶⁾	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng(*)	361.316.253.248	361.466.253.248

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Toàn bộ nợ vay, nợ trái phiếu trên đã quá hạn thanh toán với số tiền là 361.316.253.248 đồng.

(1) Là các khoản tiền đi vay tín chấp với lãi suất 7% - 9%/năm. Thời hạn vay dưới 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Tp. HCM theo Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.101.301602.TD ngày 23/8/2021. Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng: đến hết ngày 15/07/2022. Thời hạn vay: 06 tháng đối với sản xuất cấp, 04 tháng đối với thương mại lớp xe. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất của Công ty số AL 527855 tại phường Bình An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh) (xem Thuyết minh V.9).

(3) Là khoản vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 036/2022/HDHM/VPB-VKC ngày 16/2/2022. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng. Thời gian cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay: không quá 06 tháng. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Công ty số BA179285 tại Thửa 9183, Tờ bản đồ số 4 (2BA.8) tại phường Bình An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh) (xem Thuyết minh V.9).

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch theo Hợp đồng cho vay số 002/2022-HĐCVHM/NHCT681-VKC ngày 11/3/2022. Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng. Thời gian cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay: không quá 06 tháng. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh.

(5) Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đến hạn trả theo Hợp đồng 6667.22.101.301602.TD ngày 20/02/2022. Thời hạn vay: 48 tháng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô.

(6) Là khoản vay bằng hình thức phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.

Đại lý lưu ký: Công ty CP Chứng khoán HD.

Giá trị trái phiếu đã phát hành: 200.000.000.000 đồng.

Mục đích phát hành: mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85% vốn điều lệ).

Ngày đáo hạn: 09/06/2023.

Lãi suất: 12%/năm.

Tài sản đảm bảo:

- Nhà máy đá Bình Thuận bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số CH369969 tọa lạc tại xã Thắng Hải huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp BIDICO) theo Hợp đồng quản lý tài sản đảm bảo số 1102/2022/HĐQLTSĐB/SEABANK-VKC/BIDICO ngày 11/02/2022 giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Bidico, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Sài Gòn.

- Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số BR626016 tọa lạc tại Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (thuộc sở hữu của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2022 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tình hình thu và chi sử dụng trái phiếu đến ngày 30/06/2026 như sau:

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Số tiền thu từ đợt phát hành trái phiếu	200.000.000.000	
Số tiền chi sử dụng từ nguồn thu phát hành trái phiếu	199.887.668.136	
Trong đó:		
Các khoản chi đúng mục đích theo Nghị quyết Hội Đồng quản trị số: 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021 và đúng theo Bản công bố thông tin ngày 02/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85%)).	84.150.000.000	Xem phụ lục 01 - Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu đúng mục đích theo nghị quyết HĐQT và đúng mục đích theo bản công bố thông tin Đến thời điểm 30/06/2026, các bên chưa hoàn tất các thủ tục để Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam.
Các khoản chi không đúng mục đích theo Nghị quyết Hội Đồng quản trị số: 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021 và không đúng theo Bản công bố thông tin ngày 02/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85%))	80.800.000.000	Xem phụ lục 02 - Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo nghị quyết HĐQT và không đúng mục đích theo bản công bố thông tin
Các khoản chi không đúng mục đích theo Nghị quyết Hội Đồng quản trị số: 211/2021/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021 và không đúng mục đích theo Bản công bố thông tin ngày 02/12/2021	34.937.668.136	Xem phụ lục 03 - Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo nghị quyết HĐQT và không đúng mục đích theo bản công bố thông tin

(*) Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tính đến ngày 30/06/2026) sẽ được Công ty chuyển giao nghĩa vụ trả nợ và thực hiện thanh toán các khoản nợ cho Công ty CP Thiên Hoàng Holdings là 161.466.253.248 đồng (xem thuyết minh VIII.7).

17. Vốn chủ sở hữu**17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại **Phụ lục 04**.**17.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

17.3. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	721.000	721.000
- Cổ phiếu phổ thông	721.000	721.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.279.000	19.279.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.279.000	19.279.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

18. Tài khoản ngoài bảng**Nợ khó đòi đã xóa**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CN Công ty CP Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh tại Tp.HCM	45.745.054.925	45.745.054.925
Bà Nguyễn Thị Loan	25.330.876.560	25.330.876.560
CN Công ty CP Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh tại Bình Dương	21.134.113.309	21.134.113.309
Bà Trần Thị Hương Anh	16.243.997.518	16.243.997.518
CN Công ty CP Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh tại Vĩnh Long	13.947.528.687	13.947.528.687
Công ty CP Phát triển Đô thị Việt Nam	1.482.868.860	1.482.868.860
Nhà đất Đạt Thịnh	943.928.940	943.928.940
Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 15	770.283.296	770.283.296
Các khách hàng khác	1.807.798.208	1.807.798.208
Cộng	127.406.450.303	127.406.450.303

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	212,243	212,243

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	2.168.114.309
Doanh thu bán thành phẩm	-	164.834.420
Doanh thu cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác	553.313.738	1.603.398.536
Cộng	553.313.738	3.936.347.265

Trong đó, doanh thu với các bên liên quan :

	Kỳ này	Kỳ trước
<i>Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Vĩnh Khánh</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.249.813.881
Cộng	-	1.249.813.881

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bán hàng hóa	-	2.760.443.461
Giá vốn bán thành phẩm	-	177.325.365
Giá vốn hoạt động cho thuê mặt bằng và khác	1.215.333.418	2.995.162.497
Cộng	1.215.333.418	5.932.931.323

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	33.834.351	25.474.858
Cộng	33.834.351	25.474.858

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay, trái phiếu	21.030.200.523	21.135.230.406
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	410.548.071	1.762.881.482
Cộng	21.440.748.594	22.898.111.888

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	-	800.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.740.788	337.903.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	349.808.287
Chi phí bằng tiền khác	-	640.000
Cộng	260.740.788	689.152.123

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	904.720.730	674.579.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	334.576.632	442.229.125
Dự phòng (+)/ Hoàn nhập (-) nợ phải thu khó đòi	(30.000.000)	(645.152.720)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	333.654.503	1.081.531.335
Chi phí bằng tiền khác	62.609.676	268.544.365
Cộng	1.605.561.541	1.821.732.041

7. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiêu này không trình bày trên Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty Cổ phần VKC Holdings vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.20 và 3.21, mục 2 – Nội dung và phương pháp lập báo cáo tài chính của Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	904.720.730	675.379.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.754.061.960	1.939.390.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.243.381	1.431.339.622
Chi phí bằng tiền khác	62.609.676	2.112.352.322
Cộng	3.111.635.747	6.158.462.807

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**

Số tiền 155.825.284 đồng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (Chi nhánh Tân Bình) đang bị phong tỏa theo Quyết định số 5718/QĐ-THADS ngày 29/06/2026 của Cục quản lý thi hành án dân sự - Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh nên không được tính vào Tiền và tương đương tiền tự do sử dụng tại thời điểm cuối kỳ. Khoản tiền này đã được phân loại sang Tài sản ngắn hạn khác (mã số 165) trên Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ và điều chỉnh tại chỉ tiêu Tăng, giảm các khoản phải thu (mã số 09) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp (riêng) giữa niên độ.

VIII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.1. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

Tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Lương, thưởng, thù lao			
Ông Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 29/06/2026)	-	-
Ông Thân Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/06/2026)	21.600.000	20.000.000
	Phó Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 29/06/2026)		
	TV Ủy ban kiểm toán (bổ nhiệm ngày 29/06/2026)		
Ông Nguyễn Văn Thọ	TV HĐQT	10.800.000	-
	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	10.800.000	-
Ông Tạ Ngọc Bích	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/06/2026)	10.800.000	10.000.000
Ông Nguyễn Trung Trực	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/06/2026)	-	12.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 04/04/2025)	-	6.000.000
Bà Phạm Thị Lan	TV HĐQT	10.800.000	12.000.000
	TV Ủy ban kiểm toán (miễn nhiệm ngày 29/06/2026)	5.400.000	-
	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 29/06/2026)	-	-
Ông Huỳnh Văn Thành	TV Ủy ban kiểm toán (bổ nhiệm ngày 29/06/2026)		
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 04/04/2025)	-	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê	TV BKS (miễn nhiệm ngày 04/04/2025)	-	3.000.000
Ông Phạm Công Tình	TV BKS (miễn nhiệm ngày 04/04/2025)	-	3.000.000
Ông Phạm Hoàng Phong	Tổng Giám đốc	213.660.520	165.830.847
Ông Võ Văn Việt	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 27/05/2026)	91.004.615	168.707.847
Cộng		374.865.135	406.538.694

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

3.2. Giao dịch với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Vĩnh Khánh	Công ty con
2. Công ty CP Sản xuất Cáp nhựa Vĩnh Khánh	Công ty con
3. Công ty CP Đầu tư Phát triển DNC	Chung thành viên chủ chốt
4. Công ty CP Thiên Hoàng Holdings	Chung thành viên chủ chốt
5. Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo	Chung thành viên chủ chốt
6. Công ty Cổ Phần Kinh doanh Dịch vụ Thiên Đức	Chung thành viên chủ chốt
7. Công ty TNHH TM DV Công nghệ Nam Khang	Chung thành viên chủ chốt
8. Công ty Cổ phần Nam Khang Holdings	Chung thành viên chủ chốt

Nội dung giao dịch:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Vĩnh Khánh	Doanh thu bán hàng hóa	-	1.249.813.881
	Công ty thu nợ vay	210.000.000	-
	Doanh thu lãi cho vay	25.305.205	-
Công ty CP Sản xuất Cáp nhựa Vĩnh Khánh	Công ty cho vay	300.000.000	-
	Công ty thu nợ vay	300.000.000	-

Số dư công nợ với các bên liên quan khác

Số dư công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.2, V.3, V.12.

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Bán hàng: chủ yếu là vỏ xe, cáp viễn thông, cáp điện,...
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.
- **Kỳ này**

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Cộng
Bán hàng hóa	-	-	-
Bán thành phẩm	-	-	-
Cho thuê mặt bằng và khác	553.313.738	1.215.333.418	(662.019.680)
Lợi nhuận gộp	553.313.738	1.215.333.418	(662.019.680)

- **Kỳ trước**

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Cộng
Bán hàng hóa	2.168.114.309	2.760.443.461	(592.329.152)
Bán thành phẩm	164.834.420	177.325.365	(12.490.945)
Cho thuê mặt bằng và khác	1.603.398.536	2.995.162.497	(1.391.763.961)
Lợi nhuận gộp	3.936.347.265	5.932.931.323	(1.996.584.058)

Khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo
Tài sản của Công ty thế chấp cho đơn vị khác

Công ty dùng các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.16). Tổng giá trị còn lại các tài sản tại ngày 30/06/2026 dùng để thế chấp là 797.602.575 đồng (xem tại Thuyết minh V.9).

Tài sản của bên khác đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty

Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Bidico và Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang dùng tài sản thực hiện đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty (xem tại Thuyết minh V.16).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có khoản lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối là (535.262.157.341) đồng; khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là (370.518.117.740) đồng; các khoản nợ phải trả người bán, nợ vay, trái phiếu và lãi tiền vay, trái phiếu đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền là 543.590.414.295 đồng và vốn chủ sở hữu âm (314.131.974.495 đồng). Ngày 18/05/2026 Công ty nhận được Quyết định số 35590/QĐ-HCM-KDT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn kể từ ngày 18/05/2026 đến ngày 18/05/2027. Ngoài ra, ngày 29/06/2026 Công ty nhận được Quyết định số 5718/QĐ-THADS của Cục quản lý thi hành án dân sự - Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh về việc phong tỏa tài khoản, tài sản với số tiền 155.825.284 đồng trong tài khoản số 0037100010898988 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, hiện tại Công ty đang tiếp tục duy trì và cố gắng đầu tư tài chính, phát triển sản xuất kinh doanh tại 02 công ty con: Công ty CP Sản xuất Cấp nhựa Vĩnh khánh (VKM) và Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Vĩnh khánh (VKB) nhằm gia tăng doanh thu, năng suất và có lợi nhuận, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, tạo giải pháp quan trọng để cân đối dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty được lập dựa trên giả thiết hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Ngày 30/06/2026, Công ty và Công ty CP Thiên Hoàng Holdings (gọi tắt là “Thiên Hoàng Holdings”) đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng các khoản phải thu, quyền đòi nợ số 74/2026/HĐCN/VKC-TH, theo đó Công ty sẽ chuyển nhượng nợ gốc (tính đến ngày 31/12/2025) của các khoản phải thu và quyền đòi nợ của Công ty cho Thiên Hoàng Holdings, tổng giá trị chuyển nhượng bằng với giá trị ghi sổ của các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

nợ phải thu được chuyển nhượng tại ngày 31/12/2025 là 203.167.153.774 đồng. Tại thời điểm 30/06/2026, Công ty và Thiên Hoàng Holdings chưa chính thức hoàn tất thủ tục bàn giao các khoản nợ phải thu và quyền đòi nợ.

Chi tiết các khoản nợ phải thu và quyền đòi nợ được chuyển nhượng như sau:

	Giá gốc tại 31/12/2025	Thuyết minh
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	3.508.477.808	V.2
- Gốc cho vay	3.450.000.000	
- Lãi cho vay	58.477.808	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21.536.303.438	V.3
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.812.179.025	V.4
Phải thu ngắn hạn khác	165.385.513.503	V.5a
Phải thu dài hạn khác	5.924.680.000	V.5b
Cộng	203.167.153.774	

- Ngày 08/07/2026 Công ty và Thiên Hoàng Holdings đã ký kết hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ trả nợ và thực hiện thanh toán các khoản nợ số 78/2026/HĐCGNV/VKC-TH, theo đó Công ty sẽ chuyển giao các khoản nợ phải trả đối với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức và cá nhân của Công ty cho Thiên Hoàng Holdings, tổng giá trị chuyển giao bằng với giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả được chuyển nhượng tại ngày 30/06/2026 là 237.202.287.962 đồng.

Chi tiết các khoản nợ phải trả được chuyển giao như sau:

	Giá gốc tại 30/06/2026	Thuyết minh
Phải trả người bán ngắn hạn	1.134.101.610	V.11
Chi phí phải trả ngắn hạn	74.601.933.104	V.14
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	161.466.253.248	V.16
Cộng	237.202.287.962	

Ngoài các sự kiện nêu trên, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ và hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026.

Người lập**Phụ trách kế toán****Người đại diện theo pháp luật****VÕ VĂN VIỆT****VÕ VĂN VIỆT****Tổng Giám đốc****PHẠM HOÀNG PHONG**

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Phụ lục 01

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỪ ĐỢT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT HĐQT VÀ ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
1	GBNSBV/007/12/21	06/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	15.000.000.000
2	GBNSBV/006/12/21	06/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	10.000.000.000
3	GBNSBV/006/12/21	06/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	34.000.000.000
4	GBNSBV/005/12/21	08/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	4.700.000.000
5	GBNHVDV/001/12/21	14/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	2.800.000.000
6	GBNHVDV/002/12/21	17/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	17.650.000.000
Cộng				84.150.000.000

Người lập



VÕ VĂN VIỆT

Phụ trách kế toán



VÕ VĂN VIỆT

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc



PHẠM HOANG PHONG



CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Phụ lục 02

PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỪ ĐÓT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT HĐQT VÀ KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BÀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
1	GBNSBV/004/12/21	08/12/2021	Ứng trước tiền góp vốn Công ty con Toccoo Việt Nam	8.000.000.000
2	GBNHDV/003/12/21	22/12/2021	Ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp Toccoo Việt Nam	14.600.000.000
3	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
4	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
5	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
6	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
7	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
8	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
9	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
10	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	700.000.000
11	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
12	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
13	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
14	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
15	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
16	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
17	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
18	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
19	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
20	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
21	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
22	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
23	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	100.000.000
24	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	260.000.000
25	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
26	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
27	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
28	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
29	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

1175
 G TY
 KHẨU
 VÀ T U
 VIỆ
 10 CH

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
30	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
31	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
32	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
33	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
34	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
35	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
36	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
37	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
38	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
39	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
40	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
41	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
42	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
43	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
44	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
45	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
46	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
47	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
48	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
49	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
50	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
51	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
52	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
53	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
54	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
55	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	495.000.000
56	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam - mã giao dịch/ trace 206083 202202180531899073wibt-sml	100.000.000
57	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam - mã giao dịch/ trace 206083 202202180531899073wibt-sml	300.000.000
58	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam - mã giao dịch/ trace 206083 202202180531899073wibt-sml	300.000.000
59	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam - mã giao dịch/ trace 206083 202202180531899073wibt-sml	300.000.000
60	GBNVIV/003/01/22	06/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	300.000.000
61	GBNSBV/004/01/22	06/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	2.500.000.000
62	GBNMBV/004/01/22	06/01/2022	gop von vao toccoo - mã giao dịch/ trace 392660 202201060456070263wibt-sml	200.000.000
63	GBNMBV/004/01/22	06/01/2022	gop von vao toccoo - mã giao dịch/ trace 392660 202201060456070263wibt-sml	300.000.000
64	GBNMBV/002/01/22	06/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	200.000.000

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
65	GBNMBV/002/01/22	06/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
66	GBNMBV/002/01/22	06/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
67	GBNSBV/001/01/22	05/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	7.900.000.000
68	GBNHDV/002/01/22	05/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	1.000.000.000
69	GBNHDV/001/01/22	05/01/2022	VKC góp vốn vào Toccoo Việt Nam	11.100.000.000
Cộng				80.800.000.000

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phụ trách kế toán


VÕ VĂN VIỆT

Người lập


VÕ VĂN VIỆT

Người đại diện theo pháp luật
Long Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
VKC HOLDING



PHẠM HOÀNG PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Phụ lục 03

PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỪ ĐỢT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT HĐQT VÀ KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
3	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500.000.000
4	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500.000.000
5	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500.000.000
6	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500.000.000
7	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500.000.000
8	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500.000.000
9	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500.000.000
10	CKN/014/12/21	28/12/2021	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500.000.000
15	CKN/006/01/22	07/01/2022	Loại giao dịch: gd ghi nợ từ tt thanh toán nội dung: chuyển qua VCB NBD	500.000.000
16	CKN/007/01/22	07/01/2022	Chuyển qua MBB	2.600.000.000
23	CKN/015/01/22	13/01/2022	Chuyển qua VIB	300.000.000
24	CKN/015/01/22	13/01/2022	ibvcb.0701220999971001.650923.ibtc.chuyển qua VPB	500.000.000
25	CKN/031/01/22	18/01/2022	ibvcb.0701220999971001.650923.ibtc.chuyển qua VPB	500.000.000
26	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	200.000.000
27	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
28	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
29	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
30	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
31	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
32	CKN/031/01/22	18/01/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
34	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300.000.000
35	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300.000.000
36	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300.000.000
37	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300.000.000
38	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300.000.000
39	CKN/032/01/22	25/01/2022	Chuyển qua VPB	300.000.000
40	CKN/033/01/22	26/01/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
41	CKN/033/01/22	26/01/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
42	CKN/033/01/22	26/01/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
43	CKN/033/01/22	26/01/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ



STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
44	CKN/033/01/22	26/01/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
45	CKN/034/01/22	27/01/2022	Chuyển qua VPB	200.000.000
46	CKN/035/01/22	28/01/2022	Chuyển qua MBB	1.500.000.000
47	CKN/002/02/22	07/02/2022	Chuyển qua VPB	200.000.000
48	CKN/001/02/22	07/02/2022	Chuyển qua MBB	5.000.000.000
49	CKN/020/02/22	08/02/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
50	CKN/004/02/22	09/02/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
51	CKN/004/02/22	09/02/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
52	CKN/004/02/22	09/02/2022	Chuyển qua MBB	200.000.000
53	CKN/004/02/22	09/02/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
55	CKN/007/02/22	10/02/2022	Chuyển qua MBB	200.000.000
56	CKN/006/02/22	10/02/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
57	CKN/006/02/22	10/02/2022	Chuyển qua MBB	300.000.000
69	CKN/008/02/22	15/02/2022	Chuyển qua VCB BD	5.600.000.000
84	CKN/038/03/22	04/03/2022	Chuyển qua MBB	100.000.000
59	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
60	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
61	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
62	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
63	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
64	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
65	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
66	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
67	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
68	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
71	GBNHDV/006/02/	15/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	150.000.000
72	GBNHDV/006/02/	15/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
73	GBNHDV/006/02/	15/02/2022	Trả nợ vay Louis Rice	300.000.000
17	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	237.668.133
18	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	500.000.000
19	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	500.000.000
20	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	500.000.000
21	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	500.000.000
22	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	Thanh toán tiền hàng	500.000.000
33	GBNSBV/006/01/2	20/01/2022	Thanh toán theo hợp đồng 171221 VKC SMT	1.900.000.000
54	GBNMBV/015/02/	09/02/2022	Chuyển tiền lại do khách nộp dư tiền trả phiếu	(50.000.000)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

31281
CÔNG
NHẬN
TOÁN VÀ
KIỂM
TP. HCM

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
85	GBNMBV/080/03/	23/03/2022	Hoàn trả lại tiền nộp dư đầu tư trái phiếu VKC theo đề nghị ngày 24.02 của Trần Thị Thanh Bình	(399.999.997)
86	GBNMBV/080/03/	23/03/2022	Hoàn trả lại tiền nộp dư đầu tư trái phiếu VKC theo đề nghị ngày 24.02 của Trần Thị Thanh Bình	(300.000.000)
87	GBNMBV/080/03/	23/03/2022	Hoàn trả lại tiền nộp dư đầu tư trái phiếu VKC theo đề nghị ngày 24.02 của Trần Thị Thanh Bình	(1.000.000.000)
Cộng				34.937.668.136

Người lập


VÕ VĂN VIỆT

Phụ trách kế toán


VÕ VĂN VIỆT

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật
CÔNG TRÔNG CỔ PHẦN



PHẠM HOANG PHONG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Phụ lục 04

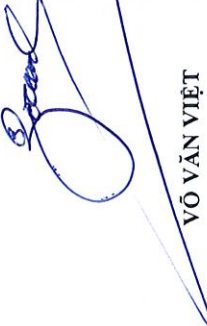
PHỤ LỤC: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	6
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025							
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.557.992.161	(462.789.422.270)	(241.659.239.424)	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(23.631.901.275)	(23.631.901.275)	(23.631.901.275)
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(23.631.901.275)	(23.631.901.275)	(23.631.901.275)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.557.992.161	(486.421.323.545)	(265.291.140.699)	
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026							
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.557.992.161	(511.326.921.089)	(290.196.738.243)	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(23.935.236.252)	(23.935.236.252)	(23.935.236.252)
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(23.935.236.252)	(23.935.236.252)	(23.935.236.252)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.557.992.161	(535.262.157.341)	(314.131.974.495)	

Người lập


VÕ VĂN VIỆT

Phụ trách kế toán


VÕ VĂN VIỆT

Người đại diện theo pháp luật

Long Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ